

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 317/2022/KDTM-ST
Ngày: 26/10/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Nguyễn Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phước Nhiều
2. Bà Đỗ Thị Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 119/2022/TLST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5743/2022/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6086/2022/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V
Địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Huỳnh L, sinh năm 1997 hoặc ông Đào Văn L1, sinh năm 2000

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền số 1303/2022/UQ-P.GĐ ngày 23/5/2022).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1

Địa chỉ: số A B, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: số B Bà H, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Hoàng Đ, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số B Bà H, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ông Trần Huỳnh L là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020. Theo đó, Ngân hàng cấp cho Công ty Đ1 hạn mức thấu chi với số tiền: 200.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Lãi suất trong hạn cố định: 21%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ1 số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020. Theo đó, Ngân hàng cho vay hạn mức 100.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức: quy định trong Khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ1 theo Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020 với số tiền là 67.500.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày tiếp theo ngày 15/12/2020 đến ngày 15/12/2021; Lãi suất cho vay trong hạn: 16.4%/năm; Lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Hoàng Đ ký kết Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 10/2/2020. Theo đó, bà Nguyễn Thị Hoàng Đ đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng và Công ty Đ1.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, Công ty Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 26/10/2022, Công ty Đ1 còn nợ Ngân hàng theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020, số tiền còn nợ là 156.455.582 đồng (trong đó nợ gốc: 116.344.196 đồng, nợ lãi quá hạn: 39.700.415 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 410.971 đồng).

- Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020 và Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020, số tiền còn nợ là 6.778.476 đồng (trong đó nợ gốc: 4.963.998 đồng, nợ lãi quá hạn: 1.713.733 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 100.745 đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020, Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 163.234.058 đồng (trong đó nợ gốc hạn mức là 4.963.998 đồng, lãi quá hạn là 1.713.733 đồng, lãi chậm trả lãi là 100.745 đồng; nợ gốc thấu chi là 116.344.196 đồng, lãi quá hạn là 39.700.415 đồng, lãi chậm trả lãi là 410.971 đồng).

Thời hạn thanh toán: trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì bà Nguyễn Thị Hoàng Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

* Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 có bà Nguyễn Thị Hoàng Đ là người đại diện theo pháp luật, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 và Ngân hàng Thương mại cổ phần V có ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020, Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020. Để bảo đảm cho khoản vay, bà có ký Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 10/2/2020. Công ty Đ1 xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 163.234.058 đồng.

Do Công ty Đ1 đang gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh, nhân viên đã cắt giảm gần hết, việc thu hồi công nợ từ các khách hàng của Công ty Đ1 cũng không thể thực hiện được do Công ty Đ1 còn nợ thuế nên không thể xuất hóa đơn cho khách hàng. Công ty Đ1 hiện không có nguồn thu nhập nên đang thanh lý các hàng hóa tồn đọng. Vì vậy, Công ty Đ1 đề nghị Ngân hàng hỗ trợ miễn giảm tiền lãi. Về số tiền còn nợ, Công ty Đ1 đề xuất được trả dần cho Ngân hàng mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở

phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020 với số tiền: 200.000.000 đồng. Ngày 10/02/2020, Ngân hàng và Công ty Đ1 tiếp tục ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số H, theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ1 theo Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020 với số tiền là 67.500.000 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Hoàng Đ ký kết Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 10/2/2020. Theo đó, bà Đ đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng và Công ty Đ1. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, Công ty Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại Quận A. Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 (sau đây gọi tắt là Công ty Đ1) đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

[2.1] Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020. Theo đó, Ngân hàng cấp cho Công ty Đ1 hạn mức thấu chi với số tiền: 200.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Lãi suất trong hạn cố định: 21%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ1 số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

[2.2] Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020. Theo đó, Ngân hàng cho vay hạn mức 100.000.000 đồng; Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Thời hạn cho vay tối đa của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức: quy định trong Khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định cụ thể trong các Khế ước nhận nợ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm

chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty Đ1 theo Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020 với số tiền là 67.500.000 đồng; Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày tiếp theo ngày 15/12/2020 đến ngày 15/12/2021; Lãi suất cho vay trong hạn: 16.4%/năm; Lãi suất trong hạn sẽ được cố định trong vòng 01 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 01 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần.

[2.3] Như vậy, các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ được hai bên tự nguyện ký kết, đảm bảo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[3] Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, Công ty Đ1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 26/10/2022, Công ty Đ1 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc theo từng hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020, nợ gốc là 116.344.196 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020, nợ gốc là 4.963.998 đồng.

Tổng cộng là 121.308.194 đồng.

[4] Do đó căn cứ mục 8 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020 và Điều 5 của Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020 mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc là 121.308.194 đồng.

[5] Về tiền lãi tính đến ngày xét xử, Hội đồng xét xử nhận định: Theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020, lãi suất 21%/năm. Theo quy định tại mục 6 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số: H11/20051 ngày 22/01/2020, lãi suất: 16.4%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Lãi chậm trả lãi: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[6] Về tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu tiền lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi đến ngày xét xử theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020, tiền lãi quá hạn: 39.700.415 đồng, tiền lãi chậm trả lãi: 410.971 đồng.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020 và Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020, tiền lãi quá hạn: 1.713.733 đồng, tiền lãi chậm trả lãi: 100.745 đồng.

Tổng cộng là 41.925.864 đồng.

[7] Theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một

số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì đối với hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 áp dụng các khoản lãi như sau: Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi chậm trả lãi. Như vậy, Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả lãi là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng mà hai bên đã giao kết và Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), nên chấp nhận. Do đó, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 41.925.864 đồng.

[8] Tổng cộng số tiền gốc và lãi quá hạn mà bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử là:

121.308.194 đồng + 41.925.864 đồng = 163.234.058 đồng.

[9] Về phương thức thanh toán: Bị đơn đề xuất thanh toán dần khoản tiền còn nợ từ tháng 11 năm 2022, mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý với đề xuất này. Do đó Bị đơn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[10] Bị đơn có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

[11] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Hoàng Đ ký kết Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 22/1/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 10/2/2020 với nội dung bà Nguyễn Thị Hoàng Đ đồng ý bảo lãnh toàn bộ, vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh là Công ty Đ1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng và Công ty Đ1.

[12] Xét thấy các bên đã lập Hợp đồng bảo lãnh là đúng quy định tại các Điều 335, Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng bảo lãnh có giá trị pháp lý, phát sinh hiệu lực.

[13] Nguyên đơn yêu cầu trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Nguyễn Thị Hoàng Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký, là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng bảo lãnh mà hai bên đã giao kết và quy định tại Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[14] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95, khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Điều 335, Điều 336, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số H11/20051 ngày 22/01/2020 và Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/20050 ngày 10/02/2020, Khế ước nhận nợ lần 01 số H11/20050-02 ngày 15/12/2020, tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 163.234.058 đồng (trong đó nợ gốc hạn mức là 4.963.998 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 1.814.478 đồng; nợ gốc thấu chi là 116.344.196 đồng, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi là 40.111.386 đồng).

Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã giao kết.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì bà Nguyễn Thị Hoàng Đ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 22/1/2020 và Hợp đồng bảo lãnh số H11/20052 ngày 10/2/2020.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đ1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 8.161.703 đồng.

H lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.627.246 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0006002 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Nguyễn Mai Phương